

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	iii
DANH MỤC BẢNG	x
DANH MỤC HÌNH.....	xii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	xv
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	xvi
CHƯƠNG 1: TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN TẠI VIỆT NAM	1
1.1. GIỚI THIỆU.....	1
1.2. KHÁI NIỆM TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN VÀ CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG.....	2
1.2.1. Khái niệm tài chính toàn diện	2
1.2.2. Đo lường tài chính toàn diện.....	3
1.2.3. Chỉ số tài chính toàn diện.....	4
1.3. ĐO LƯỜNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN TẠI VIỆT NAM TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC.....	5
1.4. PHÂN TÍCH TIẾP CẬN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CỦA CÁ NHÂN TẠI VIỆT NAM	8
1.4.1. Mô tả dữ liệu	8
1.4.2. Một số chỉ tiêu tiếp cận tài chính toàn diện của cá nhân tại Việt Nam	9
1.4.3. Nguyên nhân không sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức tại Việt Nam.....	12
1.4.4. Phân tích hoạt động vay mượn cá nhân tại Việt Nam	14
1.5. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN TOÀN DIỆN TẠI VIỆT NAM	16
1.5.1. Phương pháp nghiên cứu	16
1.5.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tài chính cá nhân toàn diện.....	18
1.5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến rào cản tiếp cận tài chính cá nhân toàn diện.....	20
1.5.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm	21
1.5.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hành vi vay mượn.....	23
1.6. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH.....	26
CHƯƠNG 2: TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP	

NHỎ VÀ VỪA	29
2.1. GIỚI THIỆU	29
2.2. TỔNG QUAN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	31
2.2.1. Nhận dạng và vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế	31
2.2.2. Số liệu và phương pháp	34
2.2.3. Đặc điểm của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	36
2.3. TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	39
2.3.1. Tiếp cận các dịch vụ tài chính	39
2.3.2. Tiếp cận tín dụng	40
2.4. HÀM Ý CHÍNH SÁCH	49
CHƯƠNG 3: TIẾP CẬN NGUỒN VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	57
3.1. GIỚI THIỆU.....	57
3.2. VAI TRÒ CỦA NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG	58
3.3. ẢNH HƯỞNG CỦA QUY MÔ VỐN NGÂN HÀNG ĐẾN HIỆU QUẢ VÀ RỦI RO	59
3.3.1. Quy mô nguồn vốn ngân hàng tác động tích cực đến hiệu quả và rủi ro	60
3.3.2. Quy mô ngân hàng tác động tiêu cực đến hiệu quả và rủi ro	60
3.4. CÁC KÊNH TIẾP CẬN VỐN CỦA CÁC NGÂN HÀNG HIỆN NAY Ở VIỆT NAM	61
3.4.1. Các kênh tiếp cận vốn	61
3.4.2. Tình hình tăng vốn của các ngân hàng Việt Nam.....	62
3.4.3. Kết quả thực nghiệm ảnh hưởng quy mô vốn đến hiệu quả và rủi ro của ngân hàng	72
3.4.4. Kết quả tiếp cận vốn	77
3.4.5. Một số nhận xét.....	79
3.5. CHIẾN LƯỢC TIẾP CẬN VỐN CỦA NGÂN HÀNG	80
3.5.1. Chiến lược tiếp cận vốn huy động	80
3.5.2. Chiến lược tiếp cận vốn sở hữu	82

3.6. KẾT LUẬN	83
CHƯƠNG 4: TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	87
4.1. KHÁI NIỆM VỀ TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	87
4.2. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TẠI VIỆT NAM	88
4.2.1. Các quy định về phân bổ NSNN.....	88
4.2.2. Các quy định về vay, trả nợ của chính quyền địa phương.....	90
4.3. THỰC TRẠNG VỀ TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	92
4.3.1. Thực trạng kênh tài chính từ phân bổ NSNN cho chính quyền địa phương	92
4.3.2. Kênh vay trực tiếp (phát hành trái phiếu địa phương, vay ngân hàng phát triển)	101
4.3.3. Kênh vay gián tiếp qua chính quyền trung ương (vay lại ODA).....	104
4.4. NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG TP HỒ CHÍ MINH VÀ TỈNH BẾN TRE.....	108
4.4.1. Tình huống TP HỒ CHÍ MINH	108
4.4.2. Tình huống tỉnh Bến Tre.....	114
4.5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	119
CHƯƠNG 5: TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG	131
5.1. SƠ LƯỢC TÀI TRỢ CHÍNH PHỦ TRONG KHU VỰC ASEAN VÀ THẾ GIỚI	131
5.1.1. Thu từ thuế	131
5.1.2. Vay nợ.....	134
5.2. TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG TẠI VIỆT NAM.....	135
5.2.1. Chiến lược tài chính quốc gia đến năm 2020	136
5.2.2. Thu thuế	137
5.2.3. Vay nợ của chính quyền trung ương.....	142
5.3. YẾU TỐ CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG	153
5.3.1. Rủi ro từ kinh tế vĩ mô.....	153
5.3.2. Rủi ro đến từ chức năng của chính phủ	158

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1.	Các chỉ tiêu đo lường tài chính toàn diện năm 2016.....	5
Bảng 1.2.	Chỉ số tài chính toàn diện Việt Nam và một số nước châu Á (2004-2016)	7
Bảng 1.3.	Tài chính toàn diện và đặc điểm hệ thống ngân hàng của các nước châu Á.....	7
Bảng 1.4.	Các chỉ tiêu chính của tiếp cận tài chính cá nhân toàn diện Việt Nam và một số quốc gia (%).....	10
Bảng 1.5.	Các rào cản tiếp cận tài chính toàn diện.....	14
Bảng 1.6.	Các nguồn tín dụng không chính thức	15
Bảng 1.7.	Các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tài chính cá nhân toàn diện.....	19
Bảng 1.8.	Các yếu tố ảnh hưởng đến rào cản tiếp cận tài chính cá nhân toàn diện.....	21
Bảng 1.9.	Các yếu tố ảnh hưởng đến mục đích tiết kiệm	22
Bảng 1.10.	Các yếu tố ảnh hưởng đến tiết kiệm phi chính thức.....	23
Bảng 1.11.	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vay mượn	24
Bảng 1.12.	Các yếu tố ảnh hưởng đến các nguồn tín dụng.....	25
Bảng 2.1.	Tiêu chí doanh nghiệp nhỏ và vừa của các nước.....	32
Bảng 2.2.	Mức độ dễ tiếp cận các nguồn vốn.....	43
Bảng 2.3.	Các rào cản tiếp cận tín dụng chính thức.	45
Bảng 3.1.	So sánh một số chỉ tiêu về dư nợ tín dụng của Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực	65
Bảng 3.2.	Thống kê các chỉ tiêu về tài sản có, quy mô, chất lượng vốn của toàn hệ thống đến 31/03/2017 theo số tuyệt đối (tỷ VND) và tốc độ tăng trưởng (%) so với cuối năm 2016.....	68
Bảng 3.3.	Đối sánh một số chỉ tiêu của ngân hàng thương mại Việt Nam và Hoa Kỳ (tại thời điểm 30/6/2017)	69
Bảng 3.4.	CAR của Việt Nam và một số nước trong khu vực	71
Bảng 3.5.	Hiệu quả hoạt động theo quy mô (Scale Efficiency) của các NHTM Việt Nam, trung bình cho cả giai đoạn 2008-2016.....	75
Bảng 3.6.	Khả năng tiếp cận tài khoản tiền gửi ngân hàng.....	77
Bảng 3.7.	Cơ cấu nguồn vốn các NHTM niêm yết.....	79
Bảng 3.8.	Thành phần tiền gửi.....	79

Bảng 3.9. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	79
Bảng 4.1. Tỷ lệ cho vay lại cho các dự án của các địa phương dựa trên dự toán ngân sách nhà nước năm 2017	91
Bảng 4.2. Hệ số liên kết ngược và liên kết xuôi của các ngành thuộc cơ sở hạ tầng.....	127
Bảng 4.3. Kết quả ước lượng mô hình.....	129
Bảng 5.1. Thu từ thuế thu nhập so với tổng thu.....	132
Bảng 5.2. Tỷ lệ thu từ thuế hàng hóa, dịch vụ trên tổng thu	133
Bảng 5.3. Thuế tài sản so với tổng thuế (%)	134
Bảng 5.4. Tài trợ thâm hụt các quốc gia ASEAN.....	134
Bảng 5.5. Tình hình bội chi NSNN Việt Nam giai đoạn 2011-2017	143

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1.	Số năm hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	36
Hình 2.2.	Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	36
Hình 2.3.	Ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tài sản, và tình hình kinh doanh của các DN	37
Hình 2.4.	Quy mô vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	37
Hình 2.5.	Chiến lược kinh doanh và dự phòng rủi ro của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	38
Hình 2.6.	Doanh thu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	39
Hình 2.7.	Sử dụng các dịch vụ tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	40
Hình 2.8.	Nhu cầu vay vốn, mục đích vay, và nguồn vốn.....	41
Hình 2.9.	Bất cân xứng giữa cung và cầu về vốn.....	42
Hình 2.10.	Tỷ lệ nợ so với vốn chủ sở hữu	42
Hình 2.11.	Tài sản đảm bảo quan trọng hơn phương án vay vốn.....	44
Hình 3.1.	Tỷ lệ vốn trên tài sản của hệ thống ngân hàng một số nước ASEAN.....	64
Hình 3.2.	Thống kê tăng trưởng quy mô tổng tài sản của các NHTM từ 2008-2016.....	66
Hình 3.3.	Thống kê vốn chủ sở hữu của các NHTM giai đoạn 2008-2016.....	66
Hình 3.4.	Xếp hạng ngân hàng về quy mô tài sản và vốn (tỷ VND) vào thời điểm 31/12/2016.....	67
Hình 3.5.	Thị phần huy động và cho vay của các ngân hàng Việt Nam.....	70
Hình 3.6.	Hệ số an toàn vốn của 10 NHTM áp dụng thí điểm Basel.....	72
Hình 3.7.	Tỷ suất sinh lời của NHTM Việt Nam giai đoạn 2008-2016	73
Hình 3.8.	Hệ số NIM của các ngân hàng	75
Hình 3.9.	Cơ cấu nguồn vốn của hệ thống ngân hàng Việt Nam 2012 – 2016.....	78
Hình 4.1.	Chi ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan trung ương và cho ngân sách địa phương từ năm 2013 đến 2017	93
Hình 4.2.	Tỷ lệ chi bổ sung ngân sách của trung ương cho các địa phương qua các năm.....	94
Hình 4.3.	10 tỉnh có thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp thấp nhất và cao nhất theo dự toán NSNN 2017 (dựa vào kết quả NSNN năm 2016)	95
Hình 4.4.	Các tỉnh được trung ương hỗ trợ trên 70% tổng chi cân đối của	

	địa phương năm 2017 (dựa vào kết quả NSNN năm 2016).....	96
Hình 4.5.	Các tỉnh được trung ương hỗ trợ từ 50% đến 70% tổng chi cân đối của địa phương năm 2017 (dựa vào kết quả NSNN năm 2016)	96
Hình 4.6.	Các tỉnh được trung ương hỗ trợ dưới 50% tổng chi cân đối của địa phương năm 2017 (dựa vào kết quả NSNN năm 2016)	97
Hình 4.7.	Các tỉnh có nguồn thu NSNN trên địa bàn cao hơn chi cân đối NSDP năm 2017 (dựa vào kết quả NSNN năm 2016).....	97
Hình 4.8.	Thu, chi ngân sách bình quân đầu người năm 2017 của các tỉnh nộp NS về trung ương (đơn vị: triệu đồng/người)	99
Hình 4.9.	Quy mô giao dịch trái phiếu chính quyền địa phương năm 2013-2016	103
Hình 4.10.	Xu hướng cho vay lại vốn ODA của trung ương cho các địa phương từ 2011-2016.....	106
Hình 4.11.	Xu hướng cho vay lại theo vùng miền giai đoạn 2011-2016	107
Hình 4.12.	Quy mô thu chi NSDP, vay nợ và GRDP của TP HCM giai đoạn 2010-2017	109
Hình 4.13.	Tỷ lệ thu NSNN trên địa bàn và NSDP so với GRDP và tỷ lệ nợ/NSDP của TP HCM giai đoạn 2010-2017	110
Hình 4.14.	Cơ cấu thu NSDP của TP HCM giai đoạn 2010-2017	111
Hình 4.15.	Cơ cấu chi NSDP của TP HCM giai đoạn 2010-2017	111
Hình 4.16.	Cơ cấu các khoản nợ theo nguồn vay của TP HCM giai đoạn 2010-2017	112
Hình 4.17.	Tỷ trọng vốn vay nước ngoài của TP HCM so với cả nước giai đoạn 2011-2016.....	113
Hình 4.18.	Vay lại nước ngoài qua VDB và vay trực tiếp từ BTC của TP HCM.....	113
Hình 4.19.	Thu, chi ngân sách địa phương và vay nợ so với GRDP của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2017 (ĐVT: Triệu đồng).....	115
Hình 4.20.	Tỷ lệ thu ngân sách trên địa bàn và tổng thu NS địa phương trên GRDP (%) giai đoạn 2010-2017.....	116
Hình 4.21.	Cơ cấu nguồn thu ngân sách địa phương của tỉnh giai đoạn (2010-2017)	116
Hình 4.22.	Cơ cấu chi ngân sách địa phương của tỉnh giai đoạn 2010-2017.....	117
Hình 4.23.	Cơ cấu các loại nợ của tỉnh giai đoạn 2010-2017	117
Hình 4.24.	Tỷ lệ ngân sách giữ lại của Hà Nội và TP HCM.....	120
Hình 5.1.	Tỷ lệ thu thuế trên GDP của các quốc gia ASEAN (%).....	132

Hình 5.2.	Cơ cấu thu ngân sách nhà nước	138
Hình 5.3.	Tỷ trọng một số nguồn thu của Chính phủ giai đoạn 2011-2015.....	140
Hình 5.4.	Tỷ trọng các khoản chi thường xuyên trong tổng chi NSNN.....	145
Hình 5.5.	Cơ cấu chi NSNN theo giai đoạn, từ 2001 đến 2015	146
Hình 5.6.	Cơ cấu chi NSNN giai đoạn 2011-2015	146
Hình 5.7.	Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển	147
Hình 5.8.	Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển của khu vực kinh tế nhà nước.....	147
Hình 5.9.	Tỷ lệ nợ công/GDP và nợ chính phủ/GDP	148
Hình 5.10.	Tỷ trọng nợ của chính phủ và nợ chính phủ bảo lãnh.....	148
Hình 5.11.	Cơ cấu nợ công theo loại hình vay	149
Hình 5.12.	Giá trị nợ công theo loại hình vay	150
Hình 5.13.	Điểm số năng lực cạnh tranh của Việt Nam các giai đoạn	154
Hình 5.14.	Tốc độ tăng trưởng của các thành phần kinh tế giai đoạn 2011-2016	156
Hình 5.15.	Cơ cấu nợ nước ngoài của Chính phủ	157
Hình 5.16.	Thâm hụt ngân sách, tăng trưởng kinh tế và lạm phát giai đoạn 2011-2016	159
Hình 5.17.	Diễn biến nợ công của Chính phủ giai đoạn 2011-2015	160

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1. Tài khoản chính thức và mức độ phát triển kinh tế một số quốc gia.....	10
Biểu đồ 1.2. Tiết kiệm chính thức và mức độ phát triển kinh tế một số quốc gia	11
Biểu đồ 1.3. Tín dụng chính thức và mức độ phát triển kinh tế một số quốc gia	12

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AEC	ASEAN Economic Community	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CAR	Capital Adequacy Ratio	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
CPI	Consumer Price Index	Chỉ số giá tiêu dùng
CSTT		Chính sách tiền tệ
DNNN		Doanh nghiệp Nhà nước
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GI	Government Investment	Đầu tư khu vực công
GTSXCN		Giá trị sản xuất công nghiệp
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
NHNN		Ngân hàng Nhà nước
NHTM		Ngân hàng thương mại
NS		Ngân sách
NSNN		Ngân sách nhà nước
SGDCK		Sở Giao dịch Chứng khoán
TCTD		Tổ chức tín dụng
TMCP		Thương mại cổ phần
TTCK		Thị trường chứng khoán
TTTP		Thị trường trái phiếu
UBCKNN		Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới